

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 3, ấp P, xã L, huyện H, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 625, tổ 5, ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh An Giang.

Chị H có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh H trình bày: Năm 2008, chị H và anh Võ Văn T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, chị H và anh T sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh T tại ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu, chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Chị H và anh T sống xa nhau từ năm 2014 cho đến nay, không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh T có 01 (một) con chung tên Võ Duy Kh, sinh ngày 30/12/2010. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản ghi nhận lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn T trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như chị H khai. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ năm 2014 cho đến nay. Anh T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị H có 01 (một) con chung tên Võ Duy Kh, sinh ngày 30/12/2010. Anh T đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung; Không hòa giải về tình cảm do chị H và anh T không đăng ký kết hôn;

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị H vẫn giữ nguyên ý kiến.

Hội đồng xét xử công bố đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 28/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Phú Tân và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu về việc chị H và anh T không đăng ký kết hôn.

Công bố lời khai ngày 01/7/2020 của cháu Võ Duy Kh; Cháu có nguyện vọng được sống chung với chị H (mẹ) vì cháu được ăn học, cuộc sống ổn định.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không đăng ký kết hôn. Năm 2014, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Quá trình chung sống, chị H và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Cháu Võ Duy Kh, sinh ngày 30/12/2010 hiện đang sống với chị H, cháu Kh có nguyện vọng được sống với mẹ; Chị H có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng; Anh T đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huỳnh H và anh Võ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Duy Kh, sinh ngày 30/12/2010; Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Huỳnh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T. Anh T có nơi cư trú: Số 625, tổ 5, ấp Phú Hữu 1, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Võ Văn T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2008, chị Nguyễn Thị Huỳnh H và anh Võ Văn T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ năm 2014 cho đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị H.

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 28/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Phú Tân và kết quả xác minh ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu thì chị H và anh T không đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị H và anh T chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị Nguyễn Thị Huỳnh H và anh Võ Văn T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản lời khai bị đơn, biên bản hòa giải về con chung và tại phiên toà, chị H và anh T đồng thống nhất khai có 01 (một) con chung tên Võ Duy Kh, sinh ngày 30/12/2010.

Chị H yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung. Biên bản lời khai ngày 01/7/2020, cháu Kh có nguyện vọng sống chung với mẹ, cháu được ăn học và có cuộc sống ổn định. Xét, yêu cầu của chị H phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh H được nuôi dạy con chung tên Võ Duy Kh, sinh ngày 30/12/2010 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Văn T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T đồng thống nhất khai: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Huỳnh H và anh Võ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huỳnh H được nuôi dạy cháu Võ Duy Kh, sinh ngày 30/12/2010 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Văn T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Huỳnh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001252 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Huỳnh H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thời hạn kháng cáo của anh Võ Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết